**MỘT SỐ ĐỀ ÔN TẬP TRUYỆN NGẮN “VỢ CHỒNG A PHỦ”**

**Đề 1:**

Mỗi đêm, nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, Mị chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên. Mị trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên. Mị trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hóm má đã xám đen. Thấy tình cảnh thế, Mị chợt nhớ đêm năm trước, A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Nó bắt mình chết cũng thôi. Nó đã bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Chỉ đêm mai là người ta chết, chết đau, chết đối, chết rét, phải chết. Ta là thân phận đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Ðám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình. Mị tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng trốn được rồi, lúc đó bố con thống lý sẽ đổ là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy. Mị chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, nhưng làm sao Mị cũng không thấy sợ…

Lúc ấy, trong nhà tối bưng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt. Nhưng Mị tưởng như A Phủ biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ thở phè từng hơi như rắn thở, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng. Mị chỉ thì thào được một tiếng "Ði đi..." rồi Mị nghẹn lại. A Phủ khuỵu xuống không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vung lên, chạy. Mị đứng lặng trong bóng tối.Trời tối lắm. Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy xuống tới lưng dốc. Mị thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:
- A Phủ cho...

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại vừa thở vừa nói:

- Ở đây chết mất,

A Phủ chợt hiểu.

Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi.

**(Trích Vợ chồng A Phủ – Tô Hoài, SGK Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục)**

**Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét về giá trị nhân đạo được nhà văn Tô Hoài gửi gắm qua đoạn trích.**

1. **Mở bài:**

**+ Khái quát về tác giả, tác phẩm**

**+ Đưa yêu cầu của đề: Hình tượng nhân vật Mị và giá trị nhân đạo**

1. **Thân bài**

**A.Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ tác phẩm**

**B.Hoàn cảnh và tâm trạng Mị trước đêm cởi trói A Phủ:**

 -Giới thiệu sơ lược về Mị: một cô gái xinh đẹp, tài năng, hiếu thảo. Vì món nợ truyền kiếp của gia đình và sự tàn ác của bọn chúa đất miền núi Tây Bắc mà Mị trở thành nạn nhân của chế độ cho vay nặng lãi. Mị là con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra. Trong đêm tình mùa xuân, nhờ tác động bởi ngoại cảnh, men rượu, tiếng sáo, Mị có sức sống tiềm tàng, khao khát hạnh phúc, tình yêu;

- Cuộc sống làm dâu gạt nợ trong nhà thống lý Pá Tra của Mị vẫn tiếp diễn.Thời gian đọa đày biến cô trở thành người câm lặng trước mọi sự. Những gì diễn ra chung quanh không khiến Mị quan tâm.

- Những đêm tình mùa xuân về  trên bản Mèo Hồng Ngài, khiến tâm hồn vốn đã chai sạn của  Mị dần dần được đánh thức, nhưng ngay khi sức sống tiềm tàng của Mị hồi sinh cũng là lúc sức sống ấy một lần nữa bị A Sử dập tắt.

- Đêm mùa đông đến, lúc đầu Mị thổi lửa hơ tay, tâm hồn Mị như tê dại trước mọi chuyện, kể cả lúc ra sưởi lửa, bị A Sử đánh ngã xuống bếp, hôm sau Mị vẫn thản nhiên ra sưởi lửa như đêm trước.

- Song, trong lòng, không phải chuyện gì Mị cũng bình thản. Mị rất sợ những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn.

- Khi trong nhà đã ngủ yên, Mị tìm đến bếp lửa. Đối với Mị, nếu không có bếp lửa ấy, cô sẽ chết héo.

1. **Hoàn cảnh Mị gặp A Phủ**

**D.Cảm nhận đoạn trích**

**- Mị có thói quen thức sưởi lửa suốt đêm-đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn.**

 *+Nếu không có bếp lửa kia thì Mị đến chết héo. Mỗi đêm, Mị dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần:*Từ chỉ thời gian *mỗi đêm, không biết bao nhiêu lần*: gợi thói quen lặp đi lặp lại như một bản năng, ăn vào vô thức. Đó là bản năng tìm tới hơi ấm, ánh sáng.Mị *chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa*: điệp từ “chỉ” diễn tả nét nghĩa tồn tại ít ỏi. Trong văn hóa nhân loại, ngọn lửa thường là vật biểu trưng cho ánh sáng, sự sống. Ở đây, ngọn lửa ngầm ẩn sự hiện hữu tuy tối thiểu nhưng dai dẳng của sức sống trong Mị.

 *+A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước:*Từ *vẫn* tiếp tục nhấn mạnh niềm khát sống bền bỉ. Hình tượng ngọn lửa là nguồn sáng- nguồn ấm-nguồn sống duy nhất đồng thời tiềm sâu sức sống dai dẳng, bền bỉ, bất chấp của Mị.

**-Lúc đầu, Mị có trạng thái thản nhiên đáng sợ.**

Sau sự nổi loạn ở đêm tình mùa xuân không thành, Mị đã bị cường quyền, thần quyền nhà thống lý Pá tra vùi dập, chà đạp, để bị rơi vào trạng thái tê liệt còn đáng sợ hơn cả trước đây. Điều đó thể hiện trong cách Mị nhìn A Phủ bị trói đứng. Mị trơ lì tê liệt đến mức *vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi*. Ba chữ *cũng thế thôi* tách riêng thành một nhịp, lời văn nửa trực tiếp đã tái hiện chính xác thái độ lạnh lùng của nhân vật. Nghĩa là cô không chỉ khước từ quyền sống của chính mình mà còn không quan tâm đến cả sự sống của đồng loại. Tuy có lúc A Sử đi chơi đêm về, ngứa tay ngứa chân, “đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp”, nhưng đêm sau Mị vẫn gan lì, lặng lẽ phản kháng, tiếp tục ra sưởi lửa như đêm trước. Bởi lẽ ngọn lửa đã là người bạn, là cứu cánh của Mị - “Mị chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa”. Đó là thái độ thản nhiên đáng sợ vì không có tình đồng loại. Vì sao? Lí giải vấn đề này, ta thấy có ba nguyên nhân.*Một là,* cảnh người bị trói đến chết không phải là hiếm hoi ở nhà thống lí.*Hai là,* cuộc sống bao năm làm con rùa lùi lũi trong xó cửa đã tạo cho Mị một sức ì, một quán tính cam chịu, nhẫn nhục quá lớn. *Ba là,* Mị đã chịu đựng quá nhiều đau khổ về thể xác lẫn tinh thần nên cô đã trở nên chai sần vô cảm, khả năng cảm thông, chia sẻ với cảnh ngộ khốn cùng của người khác ở Mị gần như bị tê liệt. Mị chẳng khác gì “tảng đá”.

**-Những dòng nước mắt của A Phủ:** Nguyên nhân quan trọng nhất đã tác động đến tâm lý của Mị để từ sự chai sạn vô cảm đã sống dậy những cảm xúc mãnh liệt, đã bừng dậy khát vọng tự do đó chính là dòng nước mắt của A Phủ. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen của A Phủ đã tác động mạnh đến tâm lý của Mị, đưa cô từ cõi quên trở về với cõi nhớ. Mị nhớ lại đêm năm trước mình cũng bị A Sử trói đứng như vậy, nước mắt chảy xuống mà không thể lau đi được. Chính việc sống lại những kí ức đó đã khiến Mị nhận thấy sự đồng cảm, đồng cảnh giữa mình và A Phủ, để từ lòng thương mình, cô đã thương người và cuối cùng là hành động cứu người.

Tô Hoài đã khéo léo dùng cách trần thuật nửa trực tiếp để cho người đọc thấy rõ cảm xúc của Mị: *Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết.* Dạng thức cảm thán đã cho thấy Mị không còn thờ ơ, vô cảm với đồng loại mà trong tâm hồn cô đã dấy lên một tình thương yêu mãnh liệt. Tâm lí này cho thấy phẩm chất nhân hậu tiềm ẩn trong tâm hồn người phụ nữ cùng khổ.

**-** Cùng với lòng thương người, Mị đã nhận ra bản chất tàn ác, vô nhân đạo của cha con nhà thống lý: *chúng nó thật độc ác.* Từ chỗ cúi đầu chấp nhận tất cả những đau đớn đọa đày ở nhà thống lý đến chỗ cảm nhận được điều này là một bước tiến trong nhận thức và tình cảm của nhân vật. Mị đã thể hiện thái độ phản kháng, không còn chấp nhận sự áp chế của thần quyền và cường quyền nữa.

Mị nhận thấy sự khác biệt giữa mình và A Phủ. Vì tin là mình đã bị ma nhà thống lý Pá Tra nhận mặt nên cô ý thức được sự ràng buộc của đời mình, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi. Còn với A Phủ, Mị nhận rõ sự bất công: *Người kia việc gì mà phải chết ?* Ý thức rõ được hậu quả khi một ngày kia A Phủ trốn được rồi thì mình sẽ bị trói và chết bên cái cọc ấy nhưng Mị không thấy sợ. Dù không nói ra một cách rõ ràng nhưng những suy nghĩ của Mị đã cho thấy cô chấp nhận cái chết về phía mình để tìm cách cho A Phủ được sống. Đến đây có thể thấy lòng thương người đã lớn tới mức Mị quên đi sự sống của bản thân đế đối lấy sự sống cho người khác.Tâm lý này đã ánh lên vẻ đẹp cao thượng vị tha trong tâm hồn Mị.

**- Hành động cứu người:** "Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt. Nhưng Mị tưởng như A Phủ biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây". Cuối cùng, sức mạnh của tình thương cùng với niềm khát khao tự do trỗi dậy đã khiến Mị vượt qua nỗi sợ hãi để quyết định một hành động táo bạo: Cắt dây trói cứu A Phủ.

->Hành động ấy chứng tỏ sức phản kháng mãnh liệt, sức sống tiềm tàng và khát khao hạnh phúc luôn cháy bỏng, khả năng hướng về cách mạng một cách tự nhiên của người dân Tây Bắc. Hành động Mị cắt dây cởi trói cho A Phủ cũng chính là cắt dây cởi trói cho cuộc đời mình

- Đối mặt với hiểm nguy Mị cũng hốt hoảng…; lòng ham sống mãnh liệt đã thúc giục Mị chạy theo A Phủ: "Mị đứng lặng trong bóng tối. Trời tối lắm. Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ .... Mị thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

- A Phủ cho...

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại vừa thở vừa nói:

- Ở đây chết mất.."

->Đây là hệ quả tất yếu sau những gì diễn ra ở Mị. Từ đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài đến đêm cứu A Phủ là một hành trình tìm lại chính mình và tự giải thoát mình khỏi những gông xiềng của cả cường quyền bạo lực và thần quyền lạc hậu. Đó cũng là sự khẳng định ý nghĩa của cuộc sống và khát vọng tự do cháy bỏng của người dân lao động Tây Bắc.

**\* Ý nghĩa việc miêu tả tâm trạng và hành động của Mị**

-Tạo tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn; cách miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tài tình, hợp lí đã tạo nên sự thay đổi số phận nhân vật một cách thuyết phục.

- Thể hiện giá trị nhân đạo: phát hiện và miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do của người lao động bị áp bức trong xã hội cũ.

**e. Giá trị nhân đạo được nhà văn Tô Hoài gửi gắm qua đoạn trích:**

- Tố cáo tội ác của cường quyền và thần quyền ở vùng núi cao Tây Bắc những năm trước cách mạng đã bóc lột cả về thể chất và tâm hồn người lao động.

-Trân trọng khát vọng sống mãnh liệt, khát vọng tự do của người lao động vùng cao.

-Nhà văn tin tưởng vào khát vọng ham sống mãnh liệt của con người sẽ giúp họ có niềm tin và sức mạnh vượt qua nỗi sợ hãi cá nhân để hướng đến cuộc sống tốt đẹp hơn. Họ sẽ được đổi đời khi cách mạng đến.

**f. Nhận xét, đánh giá đặc sắc nghệ thuật**

- Tạo tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn.

- Miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật tài tình.

- Xây dựng nhân vật sinh động, có cá tính.

- Ngôn ngữ sinh động, sáng tạo, giàu tính tạo hình.

- Nghệ thuật kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn.

**Đề 2:**

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị .

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà.Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường. Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm, Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau!Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao,em không bắt
Em không yêu,quả pao rơi rồi...

          (Trích **Vợ chồng A Phủ**- Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai, Nxb GD,2008, tr 7,8)

**Phân tích hình tượng nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài./.**

**Mở bài:**

-Khái quát tác giả, tác phẩm

- Nêu vấn đề cần nghị luận: Đoạn trích thể hiện vẻ đẹp sức sống tiềm tàng, khát vọng tình yêu, hạnh phúc của nhân vật Mị, đồng thời nổi bật sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật của nhà văn Tô Hoài.

**Thân bài:**

**- Khái quát tác phẩm:** Truyện “Vợ chồng A Phủ” được nhà văn Tô Hoài sáng tác năm 1952, in trong tập “Truyện Tây Bắc”. Tác phẩm gồm hai phần: phần đầu kể về cuộc sống tủi nhục của Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, là nô lệ nhà thống lí Pá Tra; cuối phần một là cảnh Mị cứu và chạy theo A Phủ. Phần sau kể về Mị và A Phủ ở Phiềng Sa. Họ trở thành vợ chồng, được giác ngộ cách mạng.

**- Vị trí đoạn trích:**Thuộc phần đầu của truyện, diễn tả tâm trạng và hành động của Mị nhờ tác động của *đêm tình mùa xuân* ở Hồng Ngài

**- Cảm nhận vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích:**

**a. Về nội dung:**

**- Giới thiệu về nhân vật Mị và cuộc sống của Mị khi làm dâu trong nhà thống lí Pá Tra.**

+ Cô gái có nhan sắc và phẩm chất tốt đẹp để xứng đáng được hưởng tình yêu hạnh phúc.

+ Mị bị bắt về làm dâu nhà Pá Tra vì món nợ truyền kiếp và bị đày đọa cả thể xác lẫn tinh thần.

+ Sự trỗi dậy sức sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân bởi sự tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan, nó biểu hiện ra thành những suy nghĩ nhận thức và hành động.

**-Vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích**

+ Những yếu tố ngoại cảnh tác động tới sự hồi sinh của Mị: Cảnh Hồng Ngài bắt đầu vào xuân- cỏ gianh vàng ửng, gió rét dữ dội…; Cảnh các làng Mèo đỏ với những chiếc váy hoa đem phơi ở các mỏm đá, tiếng trẻ con nô đùa trước sân. Đặc biệt là âm thanh tiếng sáo ở đầu núi rủ bạn đi chơi…

+Tiếng sáo đã dẫn đến hành động Mị “nổi loạn”. Mị *lén* lấy hũ rượu *uống ực từng bát* một, uống như nuốt cay đắng, phẩn uất vào lòng. Cách uống rượu của Mị chứa đựng sự phản kháng, Mị uống rượu như nuốt hờn, nuốt tủi, nén giận vào lòng, Mị uống rượu như muốn dồn men say của rượu để dịu đi những nuối tiếc khát khao, đau khổ, phẫn uất. Mị uống rượu mà như uống những cay đắng của phần đời đã qua và những khát khao của phần đời chưa tới. Men rượu và hơi xuân khiến người đàn bà không còn liên hệ gì với cuộc sống, không còn liên hệ gì với quá khứ nay bỗng “*lịm mặt ngồi đấy... nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước*”. Song, có tác dụng nhiều nhất trong việc dìu hồn Mị bồng bềnh về với nỗi khát khao của hạnh phúc, yêu thương có lẽ vẫn là tiếng sáo. Mị nghe tiếng sáo gọi bạn yêu ngoài đường, tiếng sáo vọng lại thiết tha bồi hồi. Người đàn bà lâu nay dửng dưng, âm thầm giờ đây đã thoát khỏi trạng thái vô cảm, thờ ơ. Mị không chỉ nghe tiếng sáo, Mị còn hình dung ra: “*Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi*”. Mị cảm nhận được sắc thái thiết tha, bồi hổi của tiếng sáo, nhận ra sự rạo rực, đắm say của người thổi sáo, thậm chí Mị còn ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi, bằng cách ấy Mị đã trở về với quá khứ.Tiếng sáo đã làm thức tỉnh con người tâm linh trong Mị. Mị nhớ lại kỉ niệm đẹp ngày xưa, uống rượu bên bếp và thổi sáo, Mị thấy phơi phới trở lại, đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước.

+Tiềm thức nhắc nhở Mị vẫn là một con người, Mị vẫn có quyền sống của một con người. Mị ý thức được *Mị vẫn trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi*. Tiếng sáo đã đưa Mị từ cõi quên về cõi nhớ, đã dìu hồn Mị trở về với nỗi khao khát, yêu thương.

+Thế nhưng, sự vượt khỏi hoàn cảnh của Mị diễn ra không hề đơn điệu, dễ dàng. Tô Hoài đã rất tinh khi đặt nhân vật Mị vào sự giao tranh giữa một bên là sức sống tiềm tàng, một bên là ý thức về thân phận. Ngòi bút của nhà văn như hóa thân vào nhân vật, để nâng niu, để trân trọng những giấc mơ tình tứ của con người, đồng thời lại rất tỉnh táo, khách quan khi phân tích, mổ xẻ những ngóc ngách sâu kín của tâm linh con người. Cho nên, bên cạnh cái năng nổ, khát khao, náo nức về sự tái sinh thì ở Mị vẫn còn lo lắng, day dứt, tủi hờn về thân phận: lòng phơi phới mà vẫn theo quán tính, Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Hình ảnh cái buồng kín chỉ có một cửa sổ, *một lỗ vuông bằng bàn tay* cứ trở đi trở lại trong tác phẩm. Nó trở thành một nỗi ám ảnh, day dứt người đọc. Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy bao nhiêu thì Mị lại phẫn uất bấy nhiêu. Phẫn uất và đau khổ cho thân phận và số phận trớ trêu đầy bi kịch. *Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử và Mị lại không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau*. Không thể cam chịu mãi kiếp nô lệ, kiếp làm dâu gạt nợ nên Mị đã muốn ăn lá ngón cho chết ngay. Mị muốn chết để không phải đối diện với thực tại, không phải nhớ lại quá khứ cùng với những ước mơ, khao khát của mình. Sau bao nhiêu năm ở lâu trong cái khổ, Mị đã quen khổ rồi. Nay Mị đã thoát ra khỏi tình trạng lầm lũi, vô cảm để cảm nhận nỗi đau đớn, tủi cực của mình. Nhận thức ấy chua xót đến mức Mị không thể tiếp tục kiếp sống đau đớn, nô lệ, thậm chí cô lại muốn chết để thoát khỏi cuộc sống đầy đọa, đau khổ ở nhà thống lí Pá Tra. Hiện tại Mị đau đớn ê chề, tủi nhục, Mị muốn chết “*Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa”*. Mị muốn phản kháng lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa. Đó là khi sức sống tiềm tàng đã được đánh thức.

+ Ý thức về cái chết lại xuất hiện, nhưng lần này nó có ý nghĩa khác. Uất ức, nước mắt Mị ứa ra khi tiếng sáo gọi bạn tình vẫn *lửng lơ* bay ngoài đường. Tiếng sáo của tình yêu tuổi trẻ lại thôi thúc Mị, dìu hồn Mị theo những đám chơi. Khát vọng sống mãnh liệt được đẩy lên đến cao độ bởi sự trỗi dậy của sức sống tiềm tàng.Tâm hồn Mị diễn biến rất phức tạp trong quá trình thức tỉnh, nổi loạn. Mị đang sống trong nghịch lí giữa thân phận con dâu gạt nợ và niềm vui phơi phới muốn đi chơi Tết.

**+ Đánh giá:** Đoạn văn miêu tả tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân thể hiện sức sống tiềm ẩn trong Mị. Thông qua đây, nhà văn khám phá, trân trọng, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người, thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt. Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người. Chính điều đó đã đem đến cho *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài những giá trị nhân đạo sâu sắc.

**b.Về nghệ thuật:** Diễn biến tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân được nhà văn khéo léo thể hiện bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, tự nhiên, ngôn ngữ biểu cảm, đặc biệt; là nghệ thuật miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật...Tất cả đã làm nổi bật vẻ đẹp của sức sống tiềm tàng mãnh liệt của Mị.

**- Nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật Mị của nhà văn Tô Hoài.**

-Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật Mị được tác giả miêu tả tinh tế, phù hợp với tính cách của cô. Nhà văn sử dụng khá nhiều những yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình... Tất cả đã hoá thành những tiếng gọi đánh thức nỗi căm ghét bất công và tàn bạo cùng ý thức phản kháng lại cường quyền, đánh thức cả niềm khao khát một cuộc sống tự do, hoang dã và hồn nhiên vẫn được bảo lưu đâu đó trong dòng máu truyền lại từ lối sống của tổ tiên du mục xa xưa, làm sống dậy sức sống ẩn tàng trong cơ thể trẻ trung và tâm hồn vốn ham sống của Mị. Người đọc không thể không dừng lại, suy ngẫm và chia sẻ cảm xúc với những hành động của nhân vật Mị xuất phát từ những thôi thúc của nội tâm như các chi tiết:“*Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát*” trong một trạng thái thật khác thường. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say, nhưng tâm hồn cô thì từ phút ấy, đã tỉnh lại sau bao tháng ngày câm nín, mụ mị vì sự đày đoạ. Cái cách uống rượu một hơi, một ực như thế, khiến người ta nghĩ: người uống rượu ấy đang thực sự phẫn nộ. Và người ta cũng có thể nghĩ: cô ấy uống như thể đang uống đắng cay của cái phần đời đã qua, như thể đang uống cái khao khát của phần đời chưa tới.Mị với cõi lòng đã phơi phới trở lại và cái ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực : “*Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa*.” Nghịch lí trên cho thấy: khi niềm khao khát sống hồi sinh, tự nó bỗng trở thành một mãnh lực không ngờ, xung đột gay gắt, quyết một mất một còn với cái trạng thái vô nghĩa lí của thực tại. Sở trường phân tích tâm lí cho phép ngòi bút tác giả lách sâu vào những bí mật của đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách.

 -Với trang văn trong đoạn trích đầy ắp chất thơ và tấm lòng nhân hậu, một tài năng phân tích tâm lí nhân vật bậc thầy, Tô Hoài đã khám phá, diễn tả chiều sâu tâm hồn cùng những biến thái thăng trầm ,gấp khúc ,tuần tự và đột biết trong tâm trạng Mị. Chính sức sống tiềm tàng và mãnh liệt của người con gái Mèo xinh đẹp đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc và góp phần không nhỏ vào sự thành công của tác phẩm.

**Kết bài:**

 - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của nhân vật Mị;

 - Nêu cảm nghĩ về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài qua đoạn trích.

**Đề 3:**

Trong truyện *Vợ chồng A Phủ ( Tô Hoài),* nhà văn đã nhiều lần miêu tả hành động vùng thoát của những người lao động trên vùng núi Tây Bắc.

Có khi nhà văn miêu tả hành động “vùng lên chạy” của A Phủ: *A Phủ bỗng khuỵu xuống không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.( Tr14, SGK Ngữ văn 12, tập 2)*

 Và ngay sau đó, nhà văn lại miêu tả hành động “vụt chạy ra”, “vẫn băng đi”của Mị*. Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy xuống tới lưng dốc….( Tr 14, SGK Ngữ văn 12, tập 2).*

Anh, chị hãy phân tích sức sống mãnh liệt của nhân vật A Phủ và Mị qua những hành động trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn về người nông dân cùng khổ của nhà văn Tô Hoài.

**Mở bài:**

-Khái quát tác giả, tác phẩm

– Nêu vấn đề cần nghị luận: Trong truyện *Vợ chồng A Phủ ( Tô Hoài),* nhà văn đã nhiều lần miêu tả hành động vùng thoát của những người lao động trên vùng núi Tây Bắc, nhất là trong đoạn Mị cứu và chạy theo A Phủ.

**Thân bài:**

**a. Khái quát về tác phẩm, chi tiết trong đoạn trích:**

-"Vợ chồng A Phủ", trích trong tập “Truyện Tây Bắc”, là một trong những tác phẩm đặc sắc nhất của ông, được viết sau chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1953. Tác phẩm là bức tranh bi thảm của người dân nghèo miền núi dưới ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến, thực dân và là bài ca về phẩm chất, vẻ đẹp, về sức sống mãnh liệt của người lao động

- Hành động “vùng lên chạy” của A Phủ và hành động “vụt chạy ra”, “vẫn băng đi”của Mị thuộc phần một của truyện.

**b. Giới thiệu nhân vật A Phủ và Mị:**

- A Phủ mồ côi cha mẹ, trở thành nạn nhân của hủ tục phong kiến lạc hậu. Vì dám đánh con quan nên A Phủ bị thống lí Pá Tra lấy cớ phạt vạ, buộc A phủ ở đợ không công để trả nợ. Vì để hổ ăn thịt nửa con bò nên A Phủ bị thống lí trói vào cây cọc. Nước mắt A phủ trong đêm mùa đông tại nhà thống lí đã làm cho Mị cảm động và cởi trói cho A Phủ. Sau đó A phủ cùng Mị trốn khỏi Hồng Ngài, sang Phiềng Sa;

- Mị là cô gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, có nhiều chàng trai theo đuổi. Vì món nợ truyền kiếp của cha với nhà thống lí, Mị đã bị bắt về cúng ma và làm con dâu gạt nợ nhà thống lí. Từ cô gái yêu tự do, tràn đầy sức sống, Mị trở thành nô lệ, dần dần tê liệt về tinh thần. Thế nhưng với phẩm chất tốt đẹp của người lao động, sức sống cứ tiềm tàng, âm ỉ rồi bùng cháy mãnh liệt đề rồi Mị tự đứng dậy cắt dây cởi trói trả lại tự do cho chính mình.

**c. Phân tích hành động vùng thoát của 2 nhân vật:**

\* Đoạn 1: hành động “vùng lên chạy” của A Phủ

-Vị trí: Chứng kiến nước mắt của A Phủ bò xuống hai hõm má, Mị động lòng thương xót cho người đồng cảnh ngộ và căm phẫn sự tàn bạo của thống lí Pá Tra. Rồi Mị rón rén bước lại cởi trói cho A phủ, thì thào hai tiếng *Đi ngay*. Đang khuỵu xuống, A phủ đã vùng dậy, chạy.

- Hoàn cảnh: Sự kiện bắt đầu khi A Phủ vô tình để hổ vồ mất bò do mải bẫy nhím, bị cha con thống lí Pá Tra phát hiện và bắt đứng trói vào cột không cho ăn, không cho uống. Nhưng nhờ sự đồng cảm, tình thương người của Mị, cô đã cởi trói cứu giúp A Phủ.

- Hành động của A Phủ: Trong hoàn cảnh giữa ranh giới của sự sống và cái chết, một lần nữa tinh thần phản kháng của A Phủ lại trỗi dậy và được tài năng Tô Hoài thể hiện “*A Phủ bỗng ngã khuỵu xuống không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay. A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy*”. Hành động của A Phủ có lẽ lúc đầu chỉ là ý nghĩ chạy trốn khỏi cái chết, nhưng sau đó nó đã trở thành hành động đến với con đường giải phóng. Từ việc tìm đường đến nhận đường chính là ý thức làm người, là tinh thần phản kháng, là khát khao sống, khát khao được tự do và đó cũng chính là cơ hội tốt để sau này A Phủ làm du kích cống hiến cuộc đời mình cho sự nghiệp Cách mạng.

- Ý nghĩa: ca ngợi sức sống tiềm tàng của chàng trai miền núi Tây Bắc. Tô Hoài đã tạo nên một hình tượng nhân vật đầy nam tính. Khát vọng tự do được biểu hiện ở A Phủ âm thầm, mạnh mẽ, hồn nhiên và cũng thật đơn giản. Tính cách của A Phủ mang phẩm chất tiêu biểu của người đàn ông chân chính dân tộc Mông.

- Nghệ thuật: thể hiện tính cách nhân vật A Phủ thông qua hành động là chủ yếu. Câu văn ngắn thể hiện sự dứt khoát, mạnh mẽ của nhân vật ( *A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy)*

\*Đoạn 2: hành động “vụt chạy ra”, “vẫn băng đi”của Mị

- Vị trí: Sau khi cắt dây cởi trói cho A Phủ và thấy A Phủ băng đi trong đêm tối, Mị đã nghĩ đến mình bèn *băng đi*, chạy theo A Phủ để trốn khỏi Hồng Ngài.

- Hoàn cảnh: Sau khi cắt dây cởi trói cho A Phủ, Mị rơi vào tình cảnh éo le, bi đát, có nguy cơ bị trói đứng thay cho A Phủ.

- Hành động của A Phủ:

+ Chạy theo A Phủ: "*vụt chạy theo... Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi...* ”.Chạy để tự cứu mình, để tìm đến cuộc sống tự do. Đây là cuộc cách mạng trong tư tưởng, là chiến thắng của khát vọng sống mãnh liệt trỗi dậy trong Mị.

+ Sau khi cứu A Phủ thì Mị đã *vụt chạy* theo A Phủ. Ở đây, những ý nghĩ và hành động của Mị như ngẫu nhiên, có tính chất tự phát nhưng đã phản ánh đúng quy luật tất yếu của cuộc sống: không lí do gì khi dám giải thoát cho A Phủ thì Mị lại phải thụ động chờ cái chết. Mị đã có gan cứu A Phủ thì Mị cũng đủ can đảm để cứu mình. Trong tình thế này, Mị không còn con đường nào khác ngoài chạy theo A Phủ. Ở đây có sự thúc bách của quyết tâm, của tình cảm nhưng cũng có sự o ép của hoàn cảnh. Hóa ra, lòng thương người đã giúp Mị cứu được A Phủ; lòng thương mình khiến cô tìm thấy tự do. Cuối cùng thì tinh thần phản kháng và khát vọng hạnh phúc đã chiến thắng. Vì vậy, qua số phận của Mị có thể nói: dù bọn thống trị có tàn bạo đến đâu cũng không thể hủy diệt được sức sống và niềm mong ước tự do của người lao động.

- Ý nghĩa: Hành động của Mị thể hiện tinh thần phản kháng mãnh liệt, biểu hiện ở tầm cao của sức sống tiềm tàng. Tất cả đều hướng đến một khát vọng vượt thoát khỏi số phận nô lệ, khát vọng được sống tự do của nhân vật. Qua đó, ta thấy vẻ đẹp đầy nội lực, lòng dũng cảm và sự quyết đoán của nhân vật khi dám vượt qua mọi sợ hãi, tự cắt dây cởi trói cho chính mình.

- Nghệ thuật: miêu tả nhân vật qua diễn biến tâm lý, ngôn ngữ và hành động, mhất là dùng nhiều động từ mạnh như *chạy, băng*…

**d. Nhận xét cái nhìn về người nông dân cùng khổ của nhà văn Tô Hoài.**

- Cả hai nhân vật đều thể hiện khát vọng sống chân chính của con người: Đó là khát vọng giải thoát khỏi kiếp nô lệ, khát vọng được sống tự do, sống trong tình yêu, hạnh phúc;

- Nếu ở nhân vật A phủ, nhà văn Tô Hoài nhìn thấy hai mặt đối lập ở một người thanh niên này, vừa cam chịu số phận nhưng cũng vừa can trường, bất khuất thì ở nhân vật Mị, tác giả đã nhận ra đằng sau hình ảnh một cô gái ngỡ như bị tê liệt ý thức lại là một con người tiềm tàng một sức mạnh tinh thần phản kháng, mạnh mẽ; một sự hồi sinh của tâm hồn trên con đường đi tìm tự do, hạnh phúc;

- Qua đó, cả hai nhân vật Mị và A Phủ hiện lên không chỉ có khát vọng sống cao đẹp mà còn thể hiện ở tinh thần đấu tranh để được thoát khỏi nô lệ, về với cách mạng. Hình tượng hai nhân vật điển hình cho cuộc đời, số phận của những người lao động nghèo khổ ở miền núi Tây Bắc những năm trước Cách mạng tháng Tám; có giá trị hiện thực và thấm đẫm tinh thần nhân đạo của tác giả.

**Kết bài:**

 - Tóm lại, ý nghĩa sự vùng thoát của hai nhân vật Mị và A Phủ qua hai đoạn văn;

 - Bài học cuộc sống rút ra từ nhân vật.

***Đề 4:***

*Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho.Trẻ em đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều quanh nương để sưởi lửa.Ở Hồng Ngài, người ta thành lệ cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.*

*Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ. (…) Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bổi hổi.Mị ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi.*

*"Mày có con trai con gái rồi*

*Mày đi làm nương*

 *Ta không có con trai con gái*

 *Ta đi tìm người yêu".*

*Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.*

*Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.*

*Cả nhà thống lý ăn xong bữa cơm tết cúng ma. Xung quanh chiêng đánh ầm ĩ, người ốp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.*

*Ngày tết, Mị cũng uống rượu. Mỵ lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.*

(Trích***Vợ chồng A Phủ****-* Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD,2008, tr 6,7)

**Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp bức tranh thiên thiên, cảnh sinh hoạt và nhân vật Mị ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét chất thơ trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài.**

**Mở bài:**

- Khái quát tác giả, tác phẩm

– Nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và sức sống tiềm tàng của Mị trong đoạn trích; chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài.

**Thân bài:**

**a. Khái quát tác phẩm:**

**b. Tổng quát nhân vật Mị.**

- Trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra:

- Khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra:

- Dù chịu nhiều bất hạnh, đau khổ nhưng Mị là người có phẩm chất tốt đẹp, có sức sống tiềm tàng, khao khát tự do, nhất là trong đêm tình mùa xuân…

**c.Phân tích nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn trích:**

c.1.Về nội dung: Vẻ đẹp trong *đêm tình mùa xuân*

- Những bức tranh thiên nhiên có vẻ đẹp riêng của miền núi Tây Bắc, đặc biệt là cảnh mùa xuân trên vùng núi cao, được Tô Hoài miêu tả bằng những rung cảm thiết tha của hồi ức.

+ Tết của đồng bào miền núi Tây Bắc là sự cộng hưởng của vẻ đẹp đất trời và niềm vui thu hoạch mùa màng.“*Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho*”.

+ Cái tết ở Hồng Ngài năm ấy đến vào lúc thời tiết khắc nghiệt, gió thổi và rét rất dữ dội nhưng không ngăn nổi những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên, không ngăn nổi cái rạo rực của lòng người. Cả bản làng sáng bừng trong sắc vàng, đó là màu vàng của ngô, lúa, của trái bí đỏ, của cỏ gianh cùng với những sắc màu rực rỡ của “những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ.”

+Ngoài sắc màu, bức tranh xuân vùng miền núi Tây Bắc còn rộn rã với thanh âm. Đó là âm thanh của tiếng khèn, của tiếng nói cười của trẻ con, *tiếng chó sủa xa xa* và đặc biệt hơn cả là *tiếng sáo*. Nhà văn Tô Hoài rất dụng công trong mô tả tiếng sáo bởi tiếng sáo mùa xuân được xem như linh hồn của đời sống tinh thần nhân dân vùng Tây Bắc. Tiếng sáo là sự mã hóa vẻ đẹp tâm hồn nhân dân Tây Bắc, là phương tiện giao tiếp của đồng bào nơi đây “*Anh ném pao, em không bắt. Em không yêu, quả pao rơi rồi*”.

- Vẻ đẹp của bức tranh sinh hoạt, phong tục miền núi, đặc biệt là cảnh ngày tết của người Mèo, qua ngòi bút của Tô Hoài, thực sự có sức say lòng người.

+Đoạn trích giúp chúng ta ít nhiều có thể hình dung về phong tục đón Tết của người Mèo (H'Mông): người Mèo đón Tết khi vụ mùa gặt hái đã xong; mọi người thường tập trung ở một không gian thoáng, rộng, thường là mỏm đất phẳng ở đầu làng để thổi khèn, thổi sáo, đánh quay, ném còn.

+ *Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi.* Từ láy *lấp ló* gợi âm thanh tiếng sáo lúc ẩn lúc hiện. Thanh âm ấy tạo không gian mênh mông, được nhà văn miêu tả từ xa đến gần, là biểu hiện của sinh hoạt mang nét đặc trưng của con người Tây Bắc. Đây cũng là dịp để các chàng trai cô gái trẻ kiếm tìm người yêu, người tâm đầu ý hợp với mình. Mùa xuân là mùa của hò hẹn, mùa của tình yêu, của hạnh phúc. Giữa khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, quyến rũ và say mê, nổi bật con người Tây Bắc đa tình, nghệ sĩ.

+ Nhà văn tập trung tả lễ hội diễn ra ở Hồng Ngài vào mùa xuân, trong đó phần Hội được nhấn mạnh hơn cả. Trong đêm tình mùa xuân, ông tả Hội trước: *Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy.*Về dung lượng, chỉ có ba câu văn tả trực tiếp Lễ cúng ma ngày Tết diễn ra trong không gian nhà thống lý: *Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ĩ, người ốp đồng vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.*Hai đoạn văn gần nhau, tự nó toát lên cái nhìn so sánh của tác giả và khơi gợi ý so sánh ở người đọc. Nhìn ở góc độ vật chất, đó là thế giới của nghèo và giàu; nhìn ở góc độ địa vị, đó là thế giới của dân dã và chức sắc; nhìn ở góc độ phong tục, đó là thế giới của bên vui chơi và bên thờ cúng; nhìn từ góc độ tuổi tác, bên thường gắn với trẻ, bên gắn với già; nhìn từ tính chất của hoạt động thì một bên trần tục và một bên linh thiêng. Nhìn từ thân phận Mị, thế giới trần tục ở ngoài kia trở thành thế giới của tự do - thế giới Mị khao khát, thế giới linh thiêng ở trong này biến thành thế giới của giam cầm - thế giới Mị muốn chối bỏ.

- Vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt của nhân vật Mị được miêu tả tinh tế, xúc động.

+Trước cảnh tưng bừng ấy, cứ tưởng Mị *nào có biết xuân là gì*? Nhưng thật bất ngờ, những *đêm tình mùa xuân* ở Hồng Ngài đã làm cho tâm hồn Mị hồi sinh trở lại. Có thể nói, tâm trạng và hành động của Mị đã được Tô Hoài thể hiện một cách tinh tế và xúc động.

 +Tâm hồn Mị tha thiết *bổi hổi* khi nghe tiếng sáo từ đầu núi vọng lại. Mị đã ngồi *nhẩm thầm* bài hát của người đang thổi sáo. Sau bao nhiêu ngày câm lặng, có lẽ đây là lần đầu tiên người con dâu gạt nợ này đã khẽ hát, dù chỉ là *nhẩm thầm*. Mị *nhẩm thầm* (không phải là “hát thầm”), tức là khẽ khàng nhắc lại theo sự hồi tưởng, thậm chí không liền mạch, lúc nhớ lúc quên lời bài hát của người đang thổi. Có lẽ trước đây Mị cũng đã từng thổi sáo hoặc hát bài này rồi. Giờ nghe tiếng sáo ngoài đầu núi vọng lại, lúc ẩn lúc hiện, trong Mị đã thức dậy điều gì đó quen thuộc, lâu nay bị lãng quên.

 + Mị lén lấy hũ rượu *uống ực* từng bát. Cách uống khiến người đọc cảm nhận dường như không phải Mị đang uống rượu mà là uống từng bát cay đắng, uất hận vào lòng. Những cay đắng, uất hận đó chất chồng và cứ bị dồn đẩy, nghẹn đắng trong lòng Mị.

+ Men rượu đã làm cô hồi tưởng về ngày trước. Tiếng sáo gọi bạn tình văng vẳng trong tai Mị. Bao nhiêu kỉ niệm đẹp thời con gái đã sống dậy trong lòng Mị: cô thổi sáo giỏi và có bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo. Hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái, điều đó cho thấy Mị đã được thức tỉnh. Khát vọng sống như ngọn lửa đã bừng sáng tâm hồn Mị.

**C2.Về nghệ thuật:**

- Các từ ngữ địa phương gợi những hình ảnh gần gũi đặc trưng cho miền núi Tây Bắc: nương ngô, nương lúa, vỡ nương, lều canh nương, cùng những sinh hoạt độc đáo: hái bí đỏ chơi quay, thổi sáo.

  -Từ ngữ miêu tả chi tiết đẹp và giàu sức sống: cỏ gianh vàng ửng, những chiếc váy đem ra phơi trên mỏm đá xòe ra như những con bướm sặc sỡ, tiếng sáo lấp ló ngoài đầu núi.

   -Đoạn miêu tả giàu tính nhạc thơ, trữ tình gợi cảm. Âm điệu câu văn êm ả, ngắn và đậm phong vị Tây Bắc (kiểu cách nói năng của người miền núi: nương ngô, nương lúa đã gặt xong, lúa ngô...)

 - Đi sâu vào khai thác diễn biến tâm lí nhân vật Mị rất tự nhiên, chân thực và sâu sắc thông qua hành động và tâm trạng, chủ yếu thể hiện nội tâm tinh tế, xúc động.

**d. Nhận xét chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài.**

 -Biểu hiện:

+Chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài hiện lên trước hết qua hình ảnh thiên nhiên vời vợi với những núi non, nương rẫy, sương giăng… không thể lẫn được với một nơi nào trên đất nước ta. Những chi tiết miêu tả thiên nhiên đan xen, hoà quyện trong lời kể của câu chuyện.

+ Đoạn trích cũng miêu tả rất tinh tế một phong tục rất đẹp, rất thơ của đồng bào vùng cao là lễ hội mùa xuân tràn ngập màu sắc và âm thanh, ấn tượng nhất về màu sắc là vẻ đẹp của *váy hoa*, của âm thanh là *tiếng sáo.*

*+*Nét đặc sắc nhất của chất thơ biểu hiện ở tâm hồn nhân vật Mị. Ẩn sâu trong tâm hồn Mị, một cô gái tưởng chừng như héo hắt, sống một cuộc đời lầm lũi “đến bao giờ chết thì thôi” ấy, có ai ngờ, vẫn le lói những đốm lửa của khát vọng tự do, của tình yêu cuộc sống.

+Ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn với hàng loạt các âm thanh, các hình ảnh gợi hình, gợi cảm rất nên thơ và đậm màu sắc.

+Chất thơ trong văn xuôi của Tô Hoài được tạo nên bởi sự kết hợp nhuần nhuyễn cái khí sắc lãng mạn với bút pháp trữ tình cùng cái duyên mượt mà của một văn phong điêu luyện.

+Bên cạnh nghệ thuật sử dụng ngôn từ, Tô Hoài còn để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi khả năng diễn đạt tài tình những rung động sâu xa, tinh tế trong thế giới đa cung bậc và muôn vàn sắc thái của tình cảm.

- Ý nghĩa: Chất thơ trong đoạn trích không những bộc lộ tài năng nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài mà còn thể hiện tình yêu thiên nhiên và tấm lòng nhân đạo của ông với con người Tây Bắc, góp phần làm sáng tỏ cảm hứng lãng mạn cách mạng của văn xuôi Việt Nam 1945-1975.

Kết bài: - Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn trích

 - Nêu cảm nghĩ về tình yêu thiên nhiên, con người và tài năng nghệ thuật của nhà văn.

**Đề 5**

*Trong bóng tối, Mị đứng im lặng,như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. Mị vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. "Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào!" Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.*

*Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.*

*Cả đêm ấy Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sửa xa xa. Mỵ lúc mê, lúc tình. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.*

*Mỵ bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết.Ðời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài, một đời người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể: đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Mị sợ quá, Mị cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau dứt từng mảnh thịt.*

(Trích***Vợ chồng A Phủ****-* Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD,2008, tr 8,9)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn về người nông dân của nhà văn Tô Hoài.

**1.Mở bài:**

-Khái quát tác giả, tác phẩm

- Đặc biệt khi khắc họa nhân vật Mị, nhà văn bộc lộ năng lực khám phá chiều sâu nội tâm con người sâu sắc và tinh tế, đồng thời thể hiện cái nhìn mới mẻ về người nông dân. Cụ thể ở đoạn trích: “*Trong bóng tối, Mị đứng im lặng* […].*Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau đứt từng mảnh thịt.”*

**2.Thân bài:**

**2.1.Khái quát về tác phẩm, đoạn trích:**

 - Vị trí, nội dung đoạn trích.

**2.2.Cảm nhận vẻ đẹp nội dung, nghệ thuật về nhân vật Mị trong đoạn trích:**

a.Về nội dung:

– Sơ lược về cảnh ngộ của Mị trước khi bị trói trong đêm tình mùa xuân:

+ Mị là một cô gái trẻ đẹp, yêu đời, chăm chỉ lao động, nhà nghèo và rất hiếu thảo;

+ Do món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị phải làm dâu gạt nợ cho thống lí Pá Tra, sống cuộc đời trâu ngựa khổ đau;

+ Nhưng tận đáy sâu tâm hồn câm lặng ấy vẫn le lói tia lửa sống, chỉ chờ dịp là bùng lên mạnh mẽ. Dịp ấy đã đến trong *đêm tình mùa xuân* phơi phới mà tiếng sáo gọi bạn đầu làng đã làm xao động lòng người phụ nữ trẻ;

+ Khi mùa xuân về, như quy luật vạn vật hồi sinh, sức trẻ trong Mị bừng trỗi dậy. Mị khêu đèn lên cho bừng sáng căn buồng của mình, lén lấy hũ rượu uống ực từng bát. Mị bổi hổi nghe tiếng sáo. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi.

+Trông thấy Mị, A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói Mị đứng vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa…

– Diễn tả tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tối khi bị A Sử trói, không cho đi chơi xuân:

*+ “Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượi còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...”:* Mị như quên hẳn mình đang bị trói, quên những đau đớn về thể xác, Mị vẫn thả hồn theo những cuộc chơi, những tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết. Tiếng sáo không chỉ vang vọng trong không gian mà còn tồn tại trong chính tâm hồn Mị. Ngay cả khi cô bị trói đứng thì âm thanh của tiếng sáo như ma lực làm bùng cháy trong Mị niềm khao khát yêu, khao khát sống.

**-***“Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được”:* Tiếng sáo của những đôi lứa yêu nhau và của cả những người lỡ duyên đã có sự tác động lớn tới tâm hồn Mị. Nó thôi thúc Mị, khiến Mị vùng bước đi, quên thực tại đau khổ trước mắt. Chi tiết Mị “vùng bước đi” đã minh chứng được sức sống mãnh liệt trong tâm hồn Mị. Tâm hồn ấy đang đến với tự do, đang tràn trề niềm yêu đương của tuổi trẻ. Nhưng cũng chính lúc này, khi “vùng bước đi” theo tiếng sáo, sợi dây trói thắt vào “tay chân đau không cựa được”, Mị mới trở lại với hiện thực phũ phàng, nghiệt ngã. Lòng Mị đau đớn, thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

+Tiếng sáo tượng trưng cho tình yêu, hạnh phúc đột ngột biến mất, “*Mị không nghe thấy tiếng sáo nữa”. “Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa”*, tiếng chân ngựa đạp vào vách, nhai cỏ, gãi chân là những âm thanh của thực tại, đưa Mị trở lại với sự liên tưởng đau đớn bởi kiếp sống “không bằng con ngựa” của mình. Sau bao nhiêu năm tháng, Mị đã tỉnh táo nhận ra thân phận trâu ngựa của mình, đã thổn thức khi thấy mình “không bằng con ngựa” nhà thống lí. Hình ảnh so sánh con người với con vật cứ day dứt, trở đi trở lại trong tác phẩm. Khi về làm vợ A Sử chắc chắn nhiều lần Mị đã bị hắn đánh đập, hành hạ. Nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên Mị thổn thức nghĩ không bằng con ngựa. Bởi những lần trước Mị nghĩ mình cũng là con trâu, con ngựa thì đó là ý nghĩ của con người cam chịu, quen khổ. Còn giờ đây, nó là cái thổn thức của tâm hồn bị vùi dập.

+Dù đã trở lại với thực tại tàn nhẫn, suốt đêm mùa xuân ấy, quá khứ vẫn “nồng nàn tha thiết” trong nỗi nhớ của Mị với “hơi rượu toả, tiếng sáo dập dờn, tiếng chó sủa xa xa...” Đêm khuya là lúc trai đến bên vách làm hiệu rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

+Mị phải sống trong sự giằng xé giữa khao khát cháy bỏng, hiện tại tàn nhẫn. Tâm trạng Mị đồng hiện giữa quá khứ, hiện tại, chập chờn giữa tỉnh và mê. Trong đêm tình mùa xuân này, Mị đã thức tỉnh để nhận ra những bất hạnh, những cay đắng trong thân phận trâu ngựa của mình. Khi nhận ra thì cảm nhận về sự khổ ải sẽ càng thấm thía. Từ nay, có lẽ Mị sẽ không thể yên ổn với những suy nghĩ buông xuôi, cam chịu của mình. Khát vọng tình yêu, khát vọng hạnh phúc, khát vọng tuổi trẻ đã hồi sinh nhưng cũng đã bị vùi dập. Và nó đang chờ ngọn gió để thổi bùng lên.

+ Mị bàng hoàng tỉnh... Không một tiếng động. Mị thương những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan. Cô Mị của ngày xưa - một người sống như đang chết, sống trong cảm giác chờ đợi sự giải thoát từ cái chết, giờ đây lại biết xót thương cho người khác, biết sợ hãi trước cái chết.

- Mị thấy sợ khi nhớ tới từng có người đàn bà cũng bị đánh, bị trói đã chết đứng ở chính căn buồng này. “*Mị sợ quá, Mị cựa quậy*” như để chứng minh mình vẫn còn sống. Mị sợ chết vì ám ảnh bởi bóng ma của thần quyền. Mị sợ chết cũng chứng tỏ Mị khao khát sống. Chết lúc này là chết oan uổng. Chính tiếng sáo, tiếng gọi tình yêu đã giúp Mị nhận ra sự sống đáng quý: phải sống để được yêu, được đón nhận hạnh phúc tuổi trẻ… Một khi biết sợ chết thì người ta càng thêm yêu cuộc sống. Mị cũng vậy.

+Đánh giá: Như vậy rõ ràng là cường quyền và thần quyền tàn bạo không thể dập tắt nổi khát vọng hạnh phúc, tình yêu nơi Mị. Cuộc nổi loạn tuy không thành công nhưng nó đã cho người đọc thấy sức sống mãnh liệt tiềm tàng trong những người nông dân tưởng chừng như nhỏ bé, khốn khổ nhất.

b. Về nghệ thuật:

-Bút pháp miêu tả tâm lí sắc sảo, tinh tế

-Cách dẫn dắt tình tiết khéo léo, tự nhiên

-Giọng trần thuật của tác giả hòa vào những độc thoại nội tâm của nhân vật tạo nên ngôn ngữ nửa trực tiếp đặc sắc.

-Ngôn ngữ kể chuyện tinh tế, mang đậm màu sắc miền núi.

**Nhận xét cái nhìn về người nông dân của nhà văn Tô Hoài.**

 - Nhà văn nhìn người nông dân Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi đã bị chà đạp tàn nhẫn từ thể xác đến tinh thần. Nhưng trong chiều sâu tâm hồn của họ vẫn có sức sống tiềm tàng mãnh liệt của khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc, tình yêu và khát vọng tự do. Tuy sống trong thân phận trâu ngựa, bị đoạ đày giữa địa ngục trần gian nhưng họ không bao giờ chịu đầu hàng số phận, mà vẫn tìm cách vượt ngục tinh thần, tâm hồn được hồi sinh. Đó còn là cái nhìn lạc quan, tin tưởng vào sức mạnh của người nông dân trong tư tưởng tiến bộ của nhà văn cách mạng Tô Hoài.

- Các nhìn mới mẻ, tin yêu về người nông dân cho thấy tài năng quan sát, miêu tả thiên nhiên, phong tục tập quán, đặc biệt khả năng diễn tả quá trình phát triển tính cách nhân vật hợp lí, tự nhiên, phong phú, phức tạp mà sâu sắc, phù hợp với quy luật *phép biện chứng tâm hồn* của nhà văn-người có duyên nợ với mảnh đất và con người Tây Bắc.

Kết bài:

-Đoạn văn miêu tả tâm trạng nhân vật Mị trong đêm xuân khi bị trói thấm đẫm tính nhân văn, góp phần tô đậm tính cách nhân vật Mị.

 -Thể hiện một cách chân thật và cảm động giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*”.

***MỘT SỐ ĐỀ ÔN TẬP TRUYỆN NGẮN “VỢ NHẶT-KIM LÂN”***

***Đề 1:***

*Bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà. Ðến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Ðục mà. Ai thế nhỉ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lẫn nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.*

*Tràng tươi cười:*

*- Thì u hẵng vào ngồi lên giường lên giếc chĩnh chện cái đã nào.*

*Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cất tiếng chào lần nữa:*

*- U đã về ạ!*

*Ô hay, thế là thế nào nhỉ? Bà lão băn khoăn ngồi xuống giường.Tràng nhắc mẹ:*

*- Kìa nhà tôi nó chào u.*

*Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hắn bước lại gần nói tiếp:*

*- Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...*

*Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.*

**(“*Vợ nhặt*” – Kim Lân, Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục, 2008,tr 27-28)**

Cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích trên. Từ đó, rút ra nhận xét tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân.

**I.Mở bài:**

– Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

+ Giới thiệu tác giả: Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông có nhiều tác phẩm có giá trị về đề tài nông thôn và nông dân. Sáng tác của Kim Lân phản ánh chân thực, xúc động cuộc sống của người dân quê mà ông hiểu biết sâu sắc về cảnh ngộ và tâm lý của họ.

+ Giới thiệu tác phẩm: “Vợ nhặt” là một trong những truyện ngắn hay nhất của nhà văn Kim Lân;

– Nêu vấn đề cần nghị luận: Nhà văn đã viết rất hay về tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ- một người mẹ già nghèo khổ nhưng giàu tình thương con trong đoạn trích (…). Qua đó, nhà văn thể hiện tấm lòng dành cho người nông dân.

**II.Thân bài:**

**1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích:**

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: Tác phẩm “Vợ Nhặt” thực chất là một chương trong tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” được viết vào năm 1946. Sau hòa bình, được Kim Lân viết lại và được in trong tập “Con chó xấu xí” vào năm 1962.

- Cốt truyện: Truyện kể về xóm ngụ cư trong nạn đói năm 1945. Anh Tràng là một thanh niên nghèo, làm nghề đẩy xe thuê. Một lần chở lúa lên tỉnh, tình cờ Tràng được một cô gái giúp anh đẩy xe lên dốc. Lần sau gặp lại, Tràng mời cô gái ăn 4 bát bánh đúc rồi rủ về với mình. Cô đã thành vợ Tràng. Tràng dẫn vợ về, cả xóm ngụ cư ngạc nhiên, mẹ Tràng ngạc nhiên và cả Tràng cũng ngạc nhiên. Cuộc sống của họ tuy nghèo nhưng rất đầm ấm và luôn hi vọng vào tương lai tốt đẹp. Kết thúc truyện là tâm trạng anh Tràng nghĩ về hình ảnh lá cờ và đoàn người đi phá kho thóc của Nhật chia cho người đói.

- Vị trí, nội dung đoạn trích: Đoạn trích nói về tâm trạng của bà cụ Tứ khi Tràng dẫn vợ về nhà. Tâm trạng của bà thay đổi từ ngạc nhiên, ngỡ ngàng đến thấu hiểu và lo lắng đối với người con là Tràng và người “vợ nhặt”.

**2. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích:**

**a.Về nội dung**: Nhà văn đã miêu tả độc đáo về tâm trạng ngỡ ngàng, ngạc nhiên, xót xa của bà cụ Tứ về việc Tràng có vợ.

**- Giới thiệu chung:**

+ Là một bà lão nghèo, chồng và con gái đã mất, bà sống cùng anh con trai duy nhất là Tràng - một thanh niên xấu xí, có phần ngờ nghệch.

+Giữa lúc nạn đói, hai mẹ con họ phải nương tựa vào nhau mà sống, sống nhờ những đồng tiền ít ỏi mà Tràng kiếm được từ việc đẩy xe bò thuê.

**- Nội tâm nhân vật trong đoạn trích:**

**+Thoạt đầu:** bà rất đỗi ngạc nhiên.

++ Ngạc nhiên vì thái độ của con trai hôm nay quá “đon đả”; “Thấy mẹ, Tràng reo như một đứa trẻ”; “lật đật chạy ra đón”...

 ++ Ngạc nhiên vì có người lạ trong nhà, lại “đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia?”; “Sao lại chào mình bằng u? ”

++Sự xuất hiện của người lạ mang đến cho bà lão toàn những cảm giác lo sợ, “băn khoăn”; “phấp phỏng”; “hấp háy”... khiến cho người ta không dám tin vào sự thật.

**- Vào nhà:** Trong lòng bà đầy băn khoăn ngồi xuống giường.

+Tràng thưa chuyện: “*Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ*”.

+Nghe xong câu chuyện, “*Bà lão cúi đầu nín lặng. Lòng người mẹ nghèo khó ấy còn hiểu ra biết bao cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương*”.

+ Bà xót thương cho “*số kiếp con mình* ”, nhờ cái đói mới lấy được vợ.

+ Bà tủi thân vì chưa làm tròn bổn phận người mẹ: “*Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là ỉúc tròng nhà ăn nên làm nổi, mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì...* ”.Đằng sau sự suy tư của bà cụ Tứ, nhà văn Kim Lân luôn cố tình để lại dấu chấm lửng "... ” như là nỗi lòng, là những tủi hờn, là nước mắt của người mẹ tội nghiệp trước cảnh đói khát.

-Khái quát: Bà cụ Tứ là người mẹ nghèo hiền từ, chất phác, vị tha, nhân hậu, âm thầm hi sinh vì hạnh phúc của con. Bà là nhân vật tiêu biểu cho những phẩm chất tốt đẹp của người mẹ nghèo Việt Nam.

**b. Về nghệ thuật:**

- Đặt nhân vật vào tình huống truyện độc đáo để phát hiện vẻ đẹp tâm hồn nhân vật- tình huống “nhặt” vợ vừa éo le, vừa bất ngờ và cảm động;

- Với năng lực phân tích tâm lí tinh tế, ngôn ngữ chọn lọc và lựa chọn những chi tiết đặc sắc, Kim Lân đã diễn tả đúng tâm lí một bà cụ nông dân nghèo khổ, tội nghiệp nhưng rất hiểu đời và có tấm lòng nhân ái cảm động.

**3. Nhận xét tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân**

- Biểu hiện:

+ Nhà văn Kim Lân đã thấu hiểu và phân tích được một cách hợp lý tâm lý nhân vật, hiểu được hoàn cảnh khó khăn, nghèo khổ của người nông dân xưa.

+ Nhà văn có thái độ kính trọng đối với người nông dân đặc biệt là bà cụ Tứ khi ông gọi bà là bà lão, bà cụ.

+ Nhà văn đã tố cáo bọn thực dân phát xít chính là nguyên nhân gây ra nạn đói cho nhân dân ta.

+ Nhà văn thể hiện thái độ cảm thương đối với thân phận của người nông dân nghèo.

+ Nhà văn đã đi sâu khám phá và nâng niu trân trọng khát vọng hạnh phúc của con người.

- Ý nghĩa: Ca ngợi tình thương con vô hạn của nhân vật và tấm lòng nhân đạo của tác giả.

**III.Kết bài:**

- Kết luận về nội dung, nghệ thuật tâm trạng của nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích;

- Nêu cảm nghĩ, bài học cuộc sống rút ra từ nhân vật.

**Đề 2:**

*Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:*

*-Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...*

*Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.*

*Bà lão đặt đũa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:*

*-Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.*

*Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:*

*-Chè đây. - Bà lão múc ra một bát - Chè khoán đây, ngon đáo để cơ.*

*Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả:*

*-Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy.*

*Tràng cầm đôi đũa, gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.*

*(* Trích *Vợ nhặt,* Kim Lân, Ngữ văn 12, tập 2, NXB Giáo dục, 2008,tr 31)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn về hiện thực cuộc sống của nhà văn Kim Lân.

I.Mở bài:

 – Kim Lân là cây bút xuất sắc chuyên viết truyện ngắn về đề tài nông thôn. Những sáng tác của ông phản ánh một cách chân thật, xúc động về cuộc sống và người dân quê mà ông am hiểu sâu sắc cảnh ngộ cũng như tâm lí của họ - những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng. Một trong những sáng tác thuộc đỉnh cao của Kim Lân là truyện ngắn “Vợ nhặt”. Tác phẩm vừa là bức tranh hiện thực về nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu vừa là bài ca ca ngợi sức sống và niềm tin mãnh liệt của con người vào tương lai, vào Cách mạng, vào tình người.

 – Nêu vấn đề cần nghị luận: Trong tác phẩm, đoạn trích *Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại(…)Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người* thể hiện chân thực bức tranh hiện thực và vẻ đẹp tình người của người nông dân Việt Nam.

II.Thân bài:

**1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích:**

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: Tác phẩm “Vợ Nhặt” thực chất là một chương trong tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” được viết vào năm 1946. Sau hòa bình, được Kim Lân viết lại và được in trong tập “Con chó xấu xí” vào năm 1962.

- Truyện kể về xóm ngụ cư trong nạn đói năm 1945. Anh Tràng là một thanh niên nghèo, làm nghề đẩy xe thuê. Một lần chợ lúa lên tỉnh, tình cờ Tràng được một cô gái giúp anh đẩy xe lên dốc. Lần sau gặp lại, Tràng mời cô gái ăn 4 bát bánh đúc rồi rủ về với mình. Cô đã thành vợ Tràng. Tràng dẫn vợ về, cả xóm ngụ cư ngạc nhiên, mẹ Tràng ngạc nhiên và cả Tràng cũng ngạc nhiên. Cuộc sống của họ tuy nghèo nhưng rất đầm ấm và luôn hi vọng vào tương lai tốt đẹp. Kết thúc truyện là tâm trạng anh Tràng nghĩ về hình ảnh lá cờ và đoàn người đi phá kho thóc của Nhật chia cho người đói.

- Vị trí, nội dung đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần cuối truyện, diễn tả bữa cơm ngày đói đón nàng dâu mới của bà cụ Tứ.

**2. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật đoạn trích:**

**a.Về nội dung:**

- Hình ảnh bữa cơm ngày đói

+Đó là bữa cơm của gia đình Tràng với lần đầu tiên có sự hiện diện của người phụ nữ "vợ nhặt". Kim Lân lại chú ý đặc tả hình ảnh bữa ăn nhà Tràng. Quan sát bữa ăn của gia đình họ, người đọc không thể không trỗi lên một niềm thương cảm. Bữa ăn chỉ có một ít cháo và rau chuối, không đủ cho ba miệng ăn. Bởi vậy, ngay sau đó bà cụ Tứ đã bổ sung thêm món "chè khoán". Gọi là "chè khoán" chứ thực chất đó là món cháo cám, một thứ người ta vẫn thường dùng làm thức ăn cho gia súc.

+Hình ảnh bữa cơm là một tín hiệu nghệ thuật quan trọng, gợi mở nhiều điều về hiện thực. Đó là sự thảm hại của cuộc sống người nông dân nơi xóm ngụ cư vào những ngày nạn đói hoành hành. Bình thường, cuộc sống của người dân xóm ngụ cư vốn đã đầy ắp những nỗi khó khăn. Giờ giữa nạn đói, mọi chuyện càng trở nên tồi tệ hơn.

- Tâm trạng của các nhân vật trong bữa cơm ngày đói:

 + Bà cụ Tứ: Bữa ăn đón nàng dâu mới mà bà cụ Tứ chuẩn bị không thể tránh khỏi cái thảm hại của một gia đình nghèo nàn. Với tất cả sự cố gắng của bà cũng chỉ có thể chuẩn bị cho bữa cơm với một nồi cháo lõng bõng và một lùm rau chuối thái rối. Nhưng điều quan trọng là ở chỗ, để tránh cho hai đứa con, đặc biệt là người con dâu cảm thấy xót xa trong bữa ăn, bà cụ Tứ đã nói toàn những câu chuyện vui với cái nhìn phấn khởi. Không phải ngẫu nhiên bà lại nói với hai đứa con về việc mua gà để “*ngoảnh đi ngoảnh lại chẳng mấy mà có ngay đàn gà*”. Đằng sau câu chuyện là niềm tin với người nông dân Việt Nam đã được dồn tụ từ ngàn đời nay, đó là bài ca dao “Mười cái trứng” với thông điệp quan trọng:“Chớ than phận khó ai ơi/ Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”. Câu chuyện chính là sự động viên khích lệ rất lớn của bà cụ Tứ để đứa con tràn đầy niềm tin vào cuộc sống.

Nhưng dù cố gắng đến đâu thì những câu chuyện vui, những niềm lạc quan mà bà cụ Tứ nói ra cũng không đủ che lấp đi hiện thực nghiệt ngã của bữa ăn ngày đói. Món ăn dù quá xoàng xĩnh cũng không đủ để ba mẹ con vượt qua được cái đói. Bởi vậy, cuối cùng dù không muốn bà lão vẫn phải xuống bếp để bê lên nồi cám mà bà gọi tránh đi là “*chè khoán*”. Ở chi tiết này, hình ảnh bà cụ Tứ thật đáng thương, tội nghiệp. Bà đã cố gắng để Tràng và người vợ nhặt không bị sốc khi đối mặt với hiện thực này bằng những câu nói: “*Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ*” hay “*chè đây...chè khoán đây, ngon đáo để cơ*”. Cùng với ngôn ngữ là dáng điệu, cử chỉ, Kim Lân đã tỏ ra rất tinh tế khi phát huy tối đa hiệu quả biểu đạt của tiếng Việt. Với ba từ láy liên tiếp “*lật đật, lễ mễ, khuấy khuấy*”, Kim Lân đã đặc tả thành công dáng điệu tất bật vội vã gắn với sự hào hứng, đồng thời vẫn đậm chất nông dân của bà cụ Tứ. Dường như từ ngôn ngữ đến điệu bộ, cử chỉ bà lão đang cố gắng làm cho nồi cám trở nên hấp dẫn hơn, để hiện thực bớt đắng chát hơn. Dù không thể hiện được nhưng sau khi đưa miếng cám vào miệng, cả ba người đều cảm thấy cái đắng chát nghẹn bứ trong cổ họng, dẫu sao những cố gắng và tình cảm của bà cụ Tứ một lần nữa làm sáng lên vẻ đẹp của một người mẹ nhân từ hết lòng yêu thương con.

Nồi cháo cám - đậm đà dư vị tình thân và lòng nhân ái, làm bật lên vẻ đẹp của các nhân vật

Tóm lại - nồi cháo cám, vừa đại diện cho hiện thực tàn khốc, cho sự ám ảnh kinh hoàng, nhưng đồng thời nó đại diện cho cả tình người. Cả Tràng, Thị hay bà cụ Tứ đều nghĩ cho người khác khi ăn. Đó chính là tình người, là tình thân, luôn nghĩ cho nhau, cùng nhau chống lại nạn đói, dắt díu nhau qua cơn bĩ cực này.

 + Tràng: “*Tràng cầm đôi đũa, gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ*”. Cách ứng xử này vừa cho thấy Tràng là người chồng có trách nhiệm với nỗi thẹn không thể dành cho người vợ mới cưới của mình một bữa ăn đủ đầy, một tiệc cưới sang trọng; vừa cho thấy Tràng là người con hết sức khéo léo trong cách cư xử với mẹ, hiểu rõ được hoàn cảnh của gia đình mình.

Cái bứ cổ đó cho thấy cả cái trách nhiệm phải chăm lo tốt hơn cho gia đình của mình. Điển hình là sau bữa ăn đó, trong đầu Tràng chỉ còn nghĩ đến hình ảnh đoàn người phá kho thóc Nhật, hay cụ thể hơn, đó là hình ảnh bữa cơm trắng mà Tràng, sẽ cướp được từ kho thóc Nhật, mang về cho gia đình mình.

+ Người vợ nhặt: “*Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng”.*Bữa cơm nghèo buổi sáng hôm ấy, thị cũng như bà cụ Tứ và anh Tràng đều thấy một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mình khi phải cố nuốt những miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Song, thị cũng như hai mẹ con Tràng, đều cố tránh nhìn mặt nhau, đều không muốn làm người khác phải buồn đau hơn. Điều này cho thấy sự ý nhị, tinh tế trước thái độ ứng xử đầy nhân bản của Thị. Sự đanh đá, trở trẽn trước kia ở Thị chẳng qua là do đói khát mà ra. Khi được sống trong tình thương, trong mái ấm gia đình, người đàn bà ấy đã sống với bản chất tốt đẹp của mình, của một người phụ nữ Việt Nam. Cái đói có thể cướp đi nhân phẩm trong khoảnh khắc nào đó, chứ không vĩnh viễn cướp đi được tâm hồn con người.

-Đánh giá chung:

 +Bữa cơm ngày đói cho thấy nạn đói đe dọa đến sự sống và bao trùm mọi ngóc ngách, ngôi nhà của những người lao động nghèo, cướp đi sinh mạng của biết bao con người khốn khó.

 +Thế nhưng, những con người trong bức tranh nạn đói ấy chưa bao giờ bi quan, tiêu cực mà luôn hướng đến cuộc sống tốt đẹp ở tương lai, thể hiện sưc sống tinh thần đầy mạnh mẽ. Đặc biệt qua hình ảnh nồi cháo cám đã thể hiện sự trân trọng của nhà văn Kim Lân đối với khát khao sống chính đáng ở những người nông dân nghèo.

 **b.Về nghệ thuật:**

– Nghệ thuật tạo tình huống độc đáo: đó là chuyện “nhặt vợ” của một anh nông dân có tên là Tràng.

– Nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật: Ở đoạn trích này có ba nhân vật xuất hiện là Tràng, vợ Tràng và mẹ Tràng. Họ là những con người khốn khổ lại sống trong tình cảnh “thảm hại” nên khi phác thảo chân dung của họ, nhà văn Kim Lân vừa chấm phá được nét tự nhiên, vừa phác họa được nét riêng chân dung của từng người;

– Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật: không phải là tâm trạng lụi tàn mà tâm lí theo chiều phát triển.

– Nghệ thuật sử dụng ngôn từ: nhà văn Kim Lân rất có biệt tài trong việc chọn lọc và vận dụng ngôn từ, tạo nên được sự hòa hợp tuyệt đối trong ngôn ngữ văn chương và ngôn ngữ chân chất đồng quê.

**3. Nhận xét cái nhìn hiện thực của Kim Lân:**

 - Đoạn trích nói riêng, tác phẩm nói chung đã tái hiện được bối cảnh hiện thực rộng lớn, quan trọng của một giai đoạn lịch sử: nỗi khổ, tình cảnh thê thảm của con người trong nạn đói do tội ác của bọn phát xít, thực dân và phong kiến tay sai gây nên. Hiện thực ấy hiện lên qua những chi tiết đầy ám ảnh, nhức nhối: mâm cơm đón nàng dâu mới thật “thảm hại”, đặc biệt là nồi “chè khoán ngon đáo để”của bà cụ Tứ, thực ra là *cám*. Tràng, người mẹ và người vợ nhặt của anh đã bám víu vào nhau dưới mái nhà tồi tàn nhưng cái đói, nỗi tủi cực đã khiến cho tất cả đều có cảm giác chua xót, bẽ bàng – miếng cháo cám đắng chát, nghẹn bứ trong cổ. Hiện thực đó được thể hiện bởi bút pháp tả thực già dặn, tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ đậm chất nông dân…của nhà văn.

- Bức tranh hiện thực được khắc hoạ rõ nét ở toàn cảnh và cả cận cảnh, ở số phận của từng con người. Qua đó, nhà văn gián tiếp tố cáo tội ác tày trời của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945, thể hiện tấm lòng xót thương, đồng cảm với số phận bi đát và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, gửi gắm niềm tin vào sự đổi đời của người nông dân Việt Nam.

III.Kết bài:

 *-* Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp của đoạn trích;

 - Bài học cuộc sống từ đoạn trích: tình thương, khát vọng hạnh phúc, niềm tin vào cuộc sống…

**Đề 3:**

*Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.*

*Hắn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đỉa vẫn vắt khươm mươi niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.*

*Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những búi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sàn sạt trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.*

*Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:*

*- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.*

*- Vâng.*

*Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.*

 (Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD,2008, tr 30)

Cảm nhận của Anh/Chị về vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.

**I.Mở bài:**

– Giới thiệu Kim Lân và truyện ngắn “Vợ nhặt”.

Kim Lân là nhà văn của nông thôn và người nông dân. Truyện ngắn của Kim Lân viết về cuộc sống và con người của làng quê Việt Nam tuy nghèo khổ, thiếu thốn nhưng vẫn yêu đời, thật thà, chất phác mà thông minh, tài hoa. Truyện ngắn *Vợ nhặt* của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu, họ vẫn khao khát sống, yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai.

– Nêu vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích *Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào (…)làm ăn có cơ khấm khá hơn* thể hiện cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.

**II.Thân bài:**

**1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích:**

**- Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, sơ lược cốt truyện…;**

*Vợ nhặt* được xem là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân có tiền thân là tiểu thuyết Xóm ngụ cư được viết ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, lấy bối cảnh nạn đói năm Ât Dậu (1945) nhưng bị bỏ dở và mất bản thảo. Mãi đến sau khi hòa bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ và viết truyện ngắn này.

**- Vị trí, nội dung đoạn trích**: thuộc phần cuối của truyện, diễn tả tâm trạng của 3 nhân vật trong gia đình bà cụ Tứ vào buổi sáng sau đêm *tân hôn*.

**2. Cảm nhận nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích:**

**a. Về nội dung:**

**a.1.Vẻ đẹp của Tràng** trong buổi sáng đầu tiên khi anh có vợ được Kim Lân miêu tả thật tinh tế mà chân thực:

- Một cảm giác lạ chưa từng thấy tràn ngập trong lòng anh. Anh thấy trong người *êm ái, lơ lửng như người vừa ở trong giấc mơ đi ra*, việc có vợ vẫn hình như là không phải. Tràng chợt nhận ra xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới lạ: Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đỉa vẫn vắt khươm mươi niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc cây ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Còn bà cụ Tứ lúi húi giẫy cỏ, nàng dâu quét tước, nấu nướng. Tất cả những cảnh tượng đó thật bình thường, là sự thay đổi đơn giản nhưng cũng đủ làm cho anh rất cảm động vì nó đều khác hẳn, chưa bao giờ Tràng thấy thế.

- Trước mặt Tràng, người vợ mới của hắn khác hẳn - đó là một người đàn bà mẫu mực, chăm chỉ. Thị rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không có vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Thị thu dọn nhà cửa, phơi phóng quần áo, quét sân, gánh nước và chuẩn bị bữa ăn ngày mới.

- Trong buổi sáng đầu tiên khi có vợ, Tràng thấy cuộc đời mình bỗng nhiên thay đổi hẳn:

+Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bởi vì Tràng đã có một gia đình, và trong cái buổi sáng đầu tiên ấy, anh đã được tắm mình trong không khí ấm áp, hạnh phúc của tổ ấm gia đình.

+Tràng vẫn chưa quen với việc hạnh phúc đến quá bất ngờ. Nhà văn Kim Lân đã khắc họa được những cảm xúc dấy lên trong lòng Tràng. Từ con người thô lỗ, cộc cằn thì Tràng đã trở thành người chồng thực sự. Vậy là trong khung cảnh đói khát chết chóc thê thảm của đất nước năm 1945 ấy, người nông dân khốn khổ như Tràng đã biết vượt lên hoàn cảnh, tìm đến hạnh phúc trong niềm vui nương tựa đùm bọc lẫn nhau. Chỉ có tấm tình chân thực mới giúp họ có sức mạnh vượt qua sự thật nghiệt ngã của cuộc đời. Và không có gì ngăn nổi niềm tin, niềm hi vọng của họ vào tương lai. Đó chính là giá trị nhân văn đầy cảm động của truyện ngắn này.

 **a.2.Vẻ đẹp của nhân vật người vợ nhặt.**

- Chỉ qua một ngày, một đêm sau khi đã thành vợ của Tràng, thành nàng dâu mới của bà cụ Tứ, ta thấy nhân vật này có những biểu hiện, những tình cảm tốt đẹp như bao người phụ nữ khác. Dù kề bên cái chết, cô gái này vẫn khao khát hạnh phúc, muốn được sống trong mái ấm hạnh phúc của gia đình, một mái ấm tình thương, có chồng có con như những người đàn bà may mắn khác.

- Thị dậy sớm cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa sạch sẽ gọn gàng, xây đắp tổ ấm hạnh phúc. Tiếng chổi quét sân của thị kêu sàn sạt trên mặt đất tưởng như niềm vui đang xôn xao trong lòng thị.

- Thị lẳng lặng đi vào bếp dọn bữa ăn sáng. Tràng cảm thấy vợ mình hiền hậu đúng mực rất đáng yêu. Bà cụ Tứ đã có nàng dâu mới, Tràng đã có vợ. Nhà thêm người, thêm bát đũa, thêm một nhân lực. Mẹ chồng và nàng dâu cùng làm việc, nói chuyện với nhau như thân quen tự bao giờ. Có lẽ cũng do cùng cảnh ngộ nên họ nhanh chóng trở thành thân thiết.

- Cách cư xử trong bữa ăn của thị cũng thật tế nhị, khôn khéo. Nhìn bát cháo cám người mẹ vui vẻ đưa cho, mắt thị *tối lại* nhưng vẫn *điềm nhiên và vào miệng*. Thị đã giấu kín nỗi thất vọng chua chát là để khỏi làm phật ý mẹ, giữ gìn không khí vui vẻ trong gia đình.

- Hạnh phúc đã làm cho thị thay đổi từ một người phụ nữ cong cớn, đanh đá bỗng trở thành người đàn bà đúng nghĩa, đã nghĩ cho sự sống, đã lo cho gia đình. Qua đây, Kim Lân dường như muốn khẳng định một niềm tin đầy giá trị nhân văn: mái ấm gia đình có đủ sức mạnh để làm thay đổi, để cảm hóa một con người.

**a.3.Vẻ đẹp của nhân vật bà cụ Tứ:**

-Khái quát: sáng hôm sau, bà cụ Tứ được Kim Lân khai thác ở chiều sâu tâm lý mà màu sắc chủ đạo là sự lạc quan, tin tưởng, phấn chấn vào cuộc sống.

-Cùng với người con dâu, sáng hôm sau bà cụ Tứ đã dậy sớm, xăm xắn quét dọn, thu vén nhà cửa để ngôi nhà trở nên gọn gàng, sáng sủa, mang không khí của một tổ ấm hạnh phúc thật sự. Niềm hạnh phúc của con đã khiến người mẹ nhân từ, bao dung dường như cũng hạnh phúc theo. Không còn dáng vẻ của một bà lão gần đất xa trời, khốn khổ, Tràng đã nhận thấy rất rõ sự thay đổi trong dáng vẻ, thần thái của mẹ mình.

Bà cụ Tứ trở nên tươi tỉnh, nhẹ nhõm khác ngày thường, khuôn mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Sự thay đổi ở diện mạo, thần thái của bà cụ Tứ cùng với những việc làm nhỏ bé, giản dị của bà đã thể hiện rất rõ sự chăm lo cho hạnh phúc của đứa con. Tất cả đều giản dị song lại vô cùng cảm động vì bà cụ đã hành động bằng tất cả tấm lòng mình để góp phần xây dựng một tổ ấm hạnh phúc.

b.Về nghệ thuật:

 -Xây dựng tình huống truyện độc đáo.

-Cách dựng truyện của Kim Lân rất tự nhiên, hấp dẫn, có duyên, đơn giản nhưng chặt chẽ.

-Miêu tả tâm lí nhân vật một cách tinh tế, sâu sắc.

 -Ngôn ngữ đậm chất nông dân và có sự gia công sáng tạo của nhà văn.

**c. Nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.**

- Nhà văn có cái nhìn xót xa, thương cảm và tin yêu về con người Việt Nam dưới ách thống trị của giai cấp phong kiến và bọn thực dân phát xít trong nạn đói khủng khiếp Ất Dậu 1945. Tuy sống trong thân phận rẻ rúng, hết sức bi đát, bị cái đói, cái chết bủa vây nhưng họ vẫn khao khát sống, khao khát yêu thương và có niềm tin bất diệt vào tương lai sẽ được đổi đời. - Kim Lân còn tìm thấy sức mạnh của tình yêu trong thẳm sâu những con người bé nhỏ. Tràng lấy vợ, một câu chuyện dở khóc dở cười nhưng sau sự kiện bi hài ấy, con người và thế giới của riêng Tràng thay đổi: vợ hiền thảo hơn, Tràng đã trưởng thành *nên người*. Bà mẹ lần đầu tiên trên trán bớt đi đám mây u ám. Tình yêu thương đã khiến cho ba con người nhỏ bé và mái ấm gia đình của họ không bị vùi xuống vực thẳm của sự chết chóc. Trong thời khắc quyết định số phận, họ đã nương tựa, cưu mang, sưởi ấm cho nhau bằng tình yêu.

- Cái nhìn mới mẻ, lạc quan tin tưởng về con người cho thấy tài năng quan sát, miêu tả, dựng cảnh, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng nhân vật rất hợp lí, chân thực, đặc biệt tạo tình huống truyện độc đáo, bất ngờ, éo le và cảm động của nhà văn Kim Lân, góp phần làm bừng sáng giá trị nhân văn trong sáng tác của nhà văn nông thôn được đánh giá xuất sắc nhất trong văn học Việt Nam hiện đại 1945-1975.

**III.Kết bài:**

 -Kết luận về nội dung, nghệ thuật vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích.

 - Nêu bài học cuộc sống từ 3 nhân vật trong đoạn trích: khát vọng sống, tình yêu và hạnh phúc; đề cao vai trò của gia đình trong đời sống con người.

**Đề 4:**

 *Nơi ngưỡng cửa khốn khổ đó, họ sẽ chứng tỏ số phận và tính cách của mình, đồng thời ở nơi đó họ sẽ bắt đầu một niềm tin mới, một niềm hạnh phúc mới, dù là rất mong manh* (Kim Lân, *Tác giả nói về tác phẩm*, NXB Trẻ, 2000). Hãy làm rõ nhận định đó qua các nhân vật trong tác phẩm “Vợ nhặt”

1. **Mở bài:**

- Giới thiệu Kim Lân và truyện “*Vợ nhặt*”.

- Nêu vấn đề cần nghị luận: nhận định của nhà văn Kim Lân khi nói về truyện “*Vợ nhặt*” được thể hiện qua các nhân vật: Tràng- Người vợ và bà cụ Tứ.

**II.Thân bài:**

a. Khái quát về truyện “*Vợ nhặt*”.

- Về hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, cốt truyện;

b. Về nội dung ý kiến:

 - Đây là ý kiến của chính tác giả Kim Lân khi nhận xét về các nhân vật trong tình huống truyện của mình. Ý kiến trên nói rõ tính chất của tình huống truyện: tình huống là phép thử để bộc lộ tính cách nhân vật, qua tình huống nhặt vợ, chúng ta mới nhận thấy được vẻ đẹp (phẩm chất, nhân cách, nghị lực,niềm tin, tình người, tình nhân văn...) của những con người đang ở nơi ngưỡng cửa khốn khổ, đang ở bên bờ vực của cái chết.

 c. Số phận và tính cách các nhân vật đã thể hiện thật sâu sắc triết lý, suy ngẫm trong nhận định của nhà văn KL.

**- Nhân vật Tràng:**

+Tràng là người có thân phận và cảnh ngộ đặc biệt. Hình thức bên ngoài thô mộc, lại có nhiều tật không giống ai. Đã thế, Tràng là một chàng trai nghèo chạy ăn từng bữa, sống cùng với mẹ già trong một căn nhà rúm ró, tối tăm trong nạn đói. Họ còn mang thân phận của những người ngụ cư. Cái đói tràn vào xóm ngụ cư nhanh đến bất ngờ; mọi ngôi nhà, mọi khuôn mặt đều in dấu ấn ảm đạm, rầu rĩ của cái đói. Cái thân hình khoẻ mạnh, vậm vạp như Tràng cũng đã mệt mỏi, chúi về phía trước vì những lo lắng chật vật. Cái đói đã làm rã những bước chân của Tràng mỗi buổi chiều về... Như vậy, giới thiệu thân phận và cảnh ngộ nhân vật Tràng trên cái nền hiện thực ảm đạm của những ngày đói khát, tác giả muốn nhấn mạnh một thân phận hẩm hiu, một cuộc đời bế tắc, và càng bế tắc hơn trong nạn đói Ât Dậu.

+Trước cảnh ngộ bế tắc cùng đường như vậy mà bỗng nhiên Tràng lại đưa về nhà một cô gái xa lạ. Thông qua tình huống ấy, Kim Lân khám phá, lý giải những trạng thái tâm lý phức tạp của Tràng để làm nổi bật nét đẹp tâm hồn con người trong hoàn cảnh cùng đường.

++Trước hạnh phúc, Tràng trở thành con người khác hẳn. Vẻ phớn phở khác thường trên đường về nhà, ánh mắt sáng ngời, thái độ lúng túng của chàng trai lần đầu tiên mới biết thế nào là hạnh phúc, Tràng trở thành người hào phóng, tình tứ, quên hết những cay cực, tăm tối trên đời. Sau cái đêm tân hôn đầy tiếng quạ, tiếng khóc hờ, Tràng nhận thấy và ý thức được hạnh phúc của mình; anh tự thấy mình có bổn phận với cuộc sống mới.

++Hạnh phúc dẫu mong manh vẫn là quý giá. Con người dẫu nghèo khổ, cùng đường vẫn đẹp hơn, hoàn thiện hơn trong niềm hạnh phúc. Chỉ có trong hoàn cảnh này chúng ta mới nhận ra Tràng là con người nhân hậu, khát khao tìm kiếm hạnh phúc, là đứa con hiếu thảo và là người chồng có trách nhiệm với tổ ấm của mình. Hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng hai lần thấp thoáng hiện lên trong óc Tràng là ánh sáng dẫn đường cho cuộc đời anh ra khỏi cái đói, cái túng quẫn.

**- Nhân vật người vợ nhặt**

+Thị là người đàn bà không tên tuổi, không quê quán, họ hàng, xuất hiện giữa chợ tỉnh, phận gái giữa đường bèo bọt rẻ rúng chẳng có giá trị gì. Cái đói đã hành hạ đẩy thị đến bờ vực của cái chết. Cái đói biến thị trở thành kẻ liều lĩnh, cùng đường, thô tục. Hai con mắt của thị sáng lên trước miếng ăn, sẵn sàng theo không người ta về làm vợ chỉ bằng mấy câu tầm phào. Kim Lân cho chúng ta thấy số phận con người thật thảm hại trước nạn đói. Để sống, để tồn tại, con người có thể bấu víu vào bất cứ cái gì, cái mà thị bấu víu để tiếp tục tìm kiếm, duy trì sự sống lại là anh Tràng nghèo, hẩm hiu, thô kệch đang rũ đi vì đói.

**+**Gặp Tràng, theo không một người đàn ông xa lạ, cuộc đời thị bước sang một trang mới. Gạt bỏ hết những mặc cảm, ngại ngùng, e thẹn, không tự tin của một cô gái có thân phận rẻ mạt, thị đã trở thành người khác hẳn. Thị là người đàn bà gắn kết các mối quan hệ trong ngôi nhà lạnh lẽo kia, làm ấm lại, sạch sẽ hơn căn nhà bằng cái ang đầy nước, bằng đống rác mùn đã được hót sạch, bằng tiếng chổi sàn sạt...Âm thanh và sắc màu cuộc sống đã hiện diện trong ngôi nhà Tràng là nhờ người vợ nhặt. Không còn hình ảnh một người đàn bà chao chát, chỏng lỏn ở chợ tỉnh, một người mặc cảm, không tự tin vào thân phận của ngày hôm qua, thay vào đó là một người vợ đảm đang, một người con dâu lễ phép, an phận. Người đàn bà này đã nhen nhóm một tổ ấm, một cuộc sống mới trên cái nền hiện thực chết chóc.

**- Nhân vật bà cụ Tứ:**

+Bà là một người ngụ cư nghèo khổ, sống cùng với một đứa con trai chịu nhiều thua thiệt, không bằng những người khác. Cảnh ngộ của mẹ con bà thật đáng thương trong nạn đói 1945. Cái đói có hình có khối đã kéo đến cái xóm ngụ cư, đã vào tận trong nhà bà.

+Trước sự xuất hiện của một người đàn bà xa lạ ngay trong căn nhà vắng vẻ của mình, bà đã xót xa cho con trai, tủi phận cho chính mình, lo lắng cho tương lai, thương và hàm ơn người đàn bà xa lạ kia. Bà đôn hậu, nhân từ, rộng lượng đón cô con dâu nhặt. Rồi bà cố nói toàn chuyện vui, chuyện vợ chồng bảo ban nhau làm ăn, chuyện con cái, lòng bà mong mỏi ai giàu ba họ, ai khó ba đời. Những chuyện bà nói chỉ là cách để lấn át bóng đêm bao trùm, mùi tử khí khét lẹt, để quên đi những cuộc đời khổ cực dài dằng dặc của ông bà, của cô con gái út...

Nhà văn thật tinh tế nhận ra nét tâm lý quen thuộc của người già, trong bế tắc, họ thường nói đến tương lai, đến những điều tốt đẹp. Khi ánh đèn được thắp lên, bà cụ Tứ lau nước mắt, ánh sáng dù vàng đục nhưng lại ấm áp đã nhen lên trong ngôi nhà này một cuộc sống mới. Dù ánh đèn đó không đủ xua đi đêm tối, xua đi tử khí, không đủ cho mọi người thực sự vui nhưng nó là ánh sáng của tình thương, của niềm cảm thông che chở cho nhau. Nó giúp người ta có thêm niềm tin trong cuộc sống ngột ngạt, cùng đường ấy.

+Niềm hạnh phúc đã tạo nên sự thay đổi lớn trong bà. Cái tươi tỉnh khác ngày thường, vẻ mặt rạng rỡ của bà vào sáng hôm sau cho thấy một cuộc sống mới dường như mới thực sự bắt đầu ở một người đàn bà có cuộc đời khổ cực dài dằng dặc. Bà cụ Tứ là người gieo mầm sự sống, nhen nhóm và nuôi dưỡng hy vọng. Người mẹ già lọng khọng ấy lại là điểm kết tụ ánh sáng cho thiên truyện, nâng tầm cao ý nghĩa câu chuyện: tương lai bắt đầu từ hiện thực đen tối. Cuộc sống mới được nhen nhóm trong tủi cực.

+Như vậy, hạnh phúc, niềm vui, cuộc sống mới đã bắt đầu được nhen nhóm lên ở ngôi nhà mẹ con bà cụ Tứ. Cái mong manh của sự sống được nâng niu, níu giữ bằng khát khao của những con người nơi ngưỡng cửa của sự khốn khổ. Dù ăn bát cháo cám xám xịt, dù trong hiện thực ảm đạm, họ đã nghĩ đến chuyện theo đoàn người có hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng đi phá kho thóc của Nhật. Trong tận cùng đói khát và chết chóc, họ vẫn đầy niềm tin, niềm hy vọng về một tương lai tươi sáng.

**d. Bình luận ý kiến:**

-Ý kiến đã làm rõ một triết lý nhân sinh sâu sắc, một quy luật của cuộc sống, của sự tồn tại. Vợ chồng Tràng gặp nhau trên cái nền xám xịt của nạn đói năm Ất Dậu, nhưng đó cũng chính là cái ngưỡng, cái mốc làm thay đổi cuộc đời họ. Nơi tận cùng của đói khát, chết chóc là nơi nuôi dưỡng, nhen nhóm một cuộc sống mới, một tương lai mới.

-Ý kiến trên làm rõ hơn bản chất của chủ nghĩa nhân đạo của Kim Lân trong truyện ngắn này, đó là niềm tin mãnh liệt vào con người và cuộc sống; niềm tin vào khả năng tự thay đổi số phận của chính những con người trong cái ngưỡng của sự khốn khổ.

**III.Kết bài:**

 - Kết luận về nhận định của nhà văn Kim Lân về chính tác phẩm của mình, thấy được giá trị hiện thực và nhân đạo của truyện.

 - Nêu cảm nghĩ về tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn qua vẻ đẹp của các nhân vật.